

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 34/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 04 - 7 - 2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thành Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Danh.

Ông Trương Thoại Lượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Văn Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2024, tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2024, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Ngô Thị Mỹ N, sinh năm 1994. Địa chỉ: Số nhà I, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Anh Lý Minh T, sinh năm 1993. Địa chỉ: Số nhà D, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

(Chị N yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt; anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 4 năm 2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Ngô Thị Mỹ N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2016, chị N và anh T kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi kết hôn vợ chồng

chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Thời gian sau phát sinh mâu thuẫn, do anh T không quan tâm, chăm sóc gia đình, bất đồng quan điểm sống, cãi vã thường xuyên làm cho cuộc sống nặng nề, hôn nhân không còn hạnh phúc. Chị N nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc, không hàn gắn được nữa nên yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Thời gian chung sống, chị N và anh T có con chung tên Lý Ngọc Khả H, sinh ngày 17-12-2016. Cháu H hiện đang sống cùng với chị N. Chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

- Theo các lời khai có trong hồ sơ vụ án, bị đơn anh Lý Minh T trình bày:

Anh T không có yêu cầu phản tố (chia tài sản chung) đối với chị N. Đối với yêu cầu khởi kiện của chị N, anh T có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T không đồng ý ly hôn với chị N, do còn thương vợ, thương con, mong muốn vợ chồng hàn gắn để lo cho con.

Về con chung: Anh T đồng ý giao con chung cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi và anh T không phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T thống nhất với chị N là không có, không yêu cầu giải quyết.

- Tại Biên bản về việc ghi ý kiến con chưa thành niên ngày 27 tháng 5 năm 2024 cháu Lý Ngọc K H trình bày:

Cháu H đang sống cùng với mẹ tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng và có nguyện vọng được sống cùng với mẹ.

- Tại Văn bản số: 140/VHTT ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Phòng Văn hóa - Thông tin huyện C:

Phòng Văn hóa và Thông tin huyện C không có kiến nghị về hoàn cảnh gia đình, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa chị N, anh T. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ việc theo quy định pháp luật.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã thực

hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa là chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, cụ thể: Chị N được ly hôn với anh T. Giao con chung tên Lý Ngọc Khả H, sinh ngày 17-12-2016 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Chị N không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung thì chị N, anh T thống nhất trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Ngô Thị Mỹ N khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con với bị đơn anh Lý Minh T. Anh Lý Minh T cư trú tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quan hệ pháp luật tranh chấp vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, chị N yêu cầu xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt. Kiểm sát viên đề nghị vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm a, b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xét thấy, các đương sự đã được triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai, chị N yêu cầu xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm a, b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 43/2016 ngày 21-3-2016. Tại thời điểm kết hôn, chị N, anh T đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại các Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên quan hệ hôn nhân giữa chị N, anh T được pháp luật công nhận.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của chị N, Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi kết hôn chị N, anh T chung sống hạnh phúc, thời gian về sau phát sinh mâu thuẫn, do anh T không quan tâm, chăm sóc gia đình, bất đồng quan điểm sống, cãi vã thường xuyên làm cho cuộc sống nặng nề, hôn nhân không còn hạnh phúc. Anh T không

đồng ý ly hôn với chị N, do còn thương vợ, thương con, mong muốn với chồng hàn gắn để lo cho con nhưng không có phương pháp hàn gắn tình cảm. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải để chị N, anh T đoàn tụ nhưng chị N vẫn cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh T được ly hôn. Từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị N yêu cầu được ly hôn với anh T là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về con chung: Chị N và anh T thống nhất thời gian chung sống anh, chị có con chung tên Lý Ngọc Khả H, sinh ngày 17-12-2016. Chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con. Anh T đồng ý với yêu cầu này của chị N. Như vậy, chị N và anh T đã thống nhất với nhau về con chung, người trực tiếp nuôi dưỡng con sau khi ly hôn và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, sự thống nhất này phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 81 và Khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, phù hợp với nguyện vọng của con chung nên được chấp nhận, giao con chung cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi và anh T không phải cấp dưỡng cho con.

[6] Ngoài ra, theo quy định tại Khoản 1 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi”* và Khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: *“Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở”*. Theo quy định này, anh T là người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống với chị N. Đồng thời, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh T thống nhất trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[8] Như đã nhận định, phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm: Chị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn số tiền 300.000 đồng.

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, điểm a, b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị Mỹ N được ly hôn với anh Lý Minh T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lý Ngọc Khả H, sinh ngày 17-12-2016 cho chị Ngô Thị Mỹ N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Anh Lý Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Ngô Thị Mỹ N và anh Lý Minh T thống nhất anh Lý Minh T không phải cấp dưỡng cho con nên không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ngô Thị Mỹ N và anh Lý Minh T thống nhất trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị Ngô Thị Mỹ N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí, án phí số 0000920 ngày 25-4-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Chị Ngô Thị Mỹ N đã nộp xong án phí sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời

hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã Phú Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thành Đạt